

Số: 9468/BTC-KTN

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

V/v cơ chế, chính sách thu hút
cộng đồng, doanh nghiệp công
nghệ, các tổ chức xã hội tham gia
Phong trào “Bình dân học vụ số”

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các hội, hiệp hội công nghệ thông tin, an toàn thông tin và các doanh nghiệp công nghệ số.

Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về việc “Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách thu hút cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức xã hội tích cực tham gia hiệu quả Phong trào Bình dân học vụ số”, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Phong trào “Bình dân học vụ số” hướng đến mục tiêu phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân với tinh thần cách mạng, toàn dân, toàn diện, không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số; mọi người dân đều được trang bị kiến thức, kỹ năng số cần thiết để áp dụng trong cuộc sống hằng ngày nhằm nắm bắt, tận dụng, khai thác, thụ hưởng những thành quả của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang lại. Theo đó, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương và doanh nghiệp nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Phong trào; thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân; đồng thời đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Triển khai các Nghị quyết¹ của Bộ Chính trị và Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế tư nhân, Chính phủ đã triển khai xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm thu hút cộng đồng, doanh nghiệp như sau:

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội.

2.1. Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 đã quy định:

- Hướng dẫn về các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 10);

- Lập kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm, quản lý, giải ngân, quyết toán cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 193/2025/QH15 (Điều 13);

- Chi định thầu các gói thầu quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 193/2025/QH15 (Điều 14);

- Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp viễn thông triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G (Điều 15 - Điều 19);

- Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy đầu tiên chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ, công nghệ cao được lựa chọn hỗ trợ (Điều 25 - Điều 30).

2.2. Về mua sắm công, Quốc hội đã thông qua dự án Luật sửa đổi 08 Luật ngành tài chính tại kỳ họp thứ 9 khoá XV (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025). Trong đó, nội dung sửa đổi Luật Đấu thầu đã tập trung vào tháo gỡ các điểm nghẽn trong mua sắm công để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số; đơn giản hoá quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian trong đấu thầu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền để tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo sự linh hoạt trong lựa chọn nhà thầu, trong đó mở rộng các trường hợp chỉ định thầu, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt cho các gói thầu (bao gồm gói thầu chuyển đổi số).

2.3. Các chính sách ưu đãi thuế đã được quy định tại các luật thuế và thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Các Luật thuế, Nghị quyết của Quốc hội đã quy định cụ thể lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế, trong đó có các chính sách cụ thể cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, lĩnh vực khoa học và công nghệ và một số chính sách mới, đặc thù ngoài quy định của pháp luật về thuế hiện hành để phát triển kinh tế tư nhân (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*). Đồng thời, Bộ Tài chính đang tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan cơ chế hỗ trợ miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh để báo cáo cấp có thẩm quyền và phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, hoàn thiện các quy định liên quan tới hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển đổi số.

3. Hiện nay, cơ chế, chính sách đối với các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018

của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các quy định của Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Hiện nay, Bộ Tài chính đang tiếp tục rà soát đề sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2023/TT-BTC và Thông tư số 36/2018/TT-BTC theo hướng phấn đấu cắt giảm 70% - 80% chi phí đào tạo truyền thống.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2021-2030, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, trong đó khoản 3 mục III Điều 1 đã giao nhiệm vụ “*Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời*” và Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án.

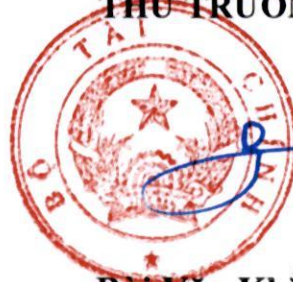
4. Về việc xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 18/6/2024 về việc đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó, Chính phủ đã yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, phí, tín dụng, ... trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai, thuế, đầu tư công, ngân sách nhà nước, tín dụng nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan; tiếp tục rà soát các chính sách ưu đãi khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực xã hội hóa để kịp thời trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh, tạo điều kiện hỗ trợ cho các đơn vị ngoài công lập, nhà đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công. Vì vậy, đề nghị các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 91/NQ-CP để kịp thời triển khai các nhiệm vụ xã hội hóa nhằm thúc đẩy Phong trào “Bình dân học vụ số”.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, trân trọng gửi tới các Quý cơ quan, đơn vị để triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” theo đúng nhiệm vụ, mục tiêu đã được phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Vụ: NSNN, I;
- Các Cục: CNTT, DNTN, DNNN, QLĐT, CST;
- Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia;
- Lưu : VT, KTN (5b). *HT*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng



Phụ lục

CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI THUẾ

(Kèm theo văn bản số 9468/BTC-KTN ngày 27/6/2025 của Bộ Tài chính)

1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (GD&ĐT):

- **Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)** quy định áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực GD&ĐT. Đồng thời, trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa GD&ĐT tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn thì được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 9 năm tiếp theo; doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa GD&ĐT tại địa bàn khác thì được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 5 năm tiếp theo.

Ngoài ra, Luật Thuế TNDN cũng quy định miễn thuế TNDN đối với: Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực GD&ĐT để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành; khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học. Đối với doanh nghiệp, tổ chức thực hiện chi tài trợ cho giáo dục theo quy định thì cũng được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

- **Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT)** đã quy định hầu hết hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực GD&ĐT thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm: Dạy học, dạy nghề; Hoạt động xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật; ... qua đó góp phần giảm chi phí, giá thành của các sản phẩm, dịch vụ giáo dục.

- **Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp** đã quy định chính sách ưu đãi các sắc thuế này được áp dụng căn cứ theo ngành nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, trong đó lĩnh vực GD&ĐT được áp dụng các chính sách ưu đãi như miễn thuế nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được phục vụ cho giáo dục và đào tạo; miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực GD&ĐT; ...

2. Lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao:

- **Về thuế TNDN:** Luật Thuế TNDN sửa đổi (đã được Quốc hội thông qua) đã bổ sung các quy định để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, cụ thể:

(i) Khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

(ii) Khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong doanh nghiệp là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

(iii) Chính phủ quy định mức chi bổ sung, điều kiện và phạm vi áp dụng đối với khoản chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp để phù hợp với tình hình thực tiễn trong từng thời kỳ.

(iv) Khoản tài trợ từ doanh nghiệp không có mối quan hệ liên kết, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khoản thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là thu nhập được miễn thuế TNDN.

(v) Bổ sung đối tượng miễn thuế TNDN và giảm 50% số thuế TNDN đối với thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; bổ sung "*tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận*" vào đối tượng miễn thuế TNDN.

(vi) Bổ sung một số lĩnh vực vào ngành, nghề ưu đãi thuế so với quy định hiện hành như: ứng dụng công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật; sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng; sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm; xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; ...

- **Về thuế thu nhập cá nhân (TNCN):** Tại hồ sơ chính sách của Luật Thuế TNCN (thay thế), Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội sửa đổi tổng thể các quy định liên quan đến chính sách thuế TNCN, trong đó dự kiến báo cáo Chính phủ, báo cáo Quốc hội (tháng 10/2025) bổ sung các quy định: (i) Bổ sung quy định giảm thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các cá nhân là nhân lực công nghệ cao trong một số lĩnh vực ưu tiên phát triển của Đảng và Nhà nước như khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. (ii) Bổ sung nội dung quy định miễn thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- **Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:** Quốc hội đã thông qua dự án Luật sửa đổi 08 Luật ngành tài chính tại kỳ họp thứ 9 khoá XV (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025), trong đó sửa đổi Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo hướng quy định các ưu đãi vượt bậc cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số. Cụ thể như sau:

(i) Mở rộng quy định miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng, tài liệu, sách báo khoa học

chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số.

(ii) Bổ sung quy định miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật về công nghiệp công nghệ số; dự án đầu tư bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

(iii) Mở rộng quy định miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu nghiên cứu, sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, nghiên cứu của tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao đã được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo.

(iv) Sửa đổi quy định miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ số; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm của trung tâm nghiên cứu và phát triển.

3. Một số cơ chế, chính sách mới, đặc thù ngoài quy định hiện hành để phát triển kinh tế tư nhân:

(i) Miễn thuế TNCN, thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

(ii) Miễn thuế TNCN trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

(iii) Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế TNDN để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp.

(iv) Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế TNDN;

(v) Chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNDN./.